

**LESSON 1****I. NEW WORDS**

|                       |                       |
|-----------------------|-----------------------|
| - book                | : quyển sách          |
| - sit down            | : ngồi xuống          |
| - stand up            | : đứng lên            |
| - open your book      | : mở sách ra          |
| - close your book     | : gấp (đóng) sách lại |
| - class               | : lớp                 |
| - please              | : mời, xin mời        |
| - <b>instructions</b> | : <b>lời chỉ dẫn</b>  |